TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **22/**2020/HNGĐ - ST
Ngày: 04/6/2020
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hà – Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra huyện ủy Tuy Phong

2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan – Phó chủ tịch Hội nông dân Việt Nam huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quí - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Đắc Quốc Tuân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 565/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Thường Thị Ngọc A**, sinh năm 1977

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn: Ông **Qua Đình T**, sinh năm 1973

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Thường Thị Ngọc A trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Qua Đình T tự nguyên sống chung với nhau năm 1993, đến năm 1997 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 02, quyển số: 03, ngày 27/6/1997. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân là ông T thường X rượu chè và không tôn trọng vợ con. Vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng và nhiều lần khuyên can nhưng ông T không chịu thay đổi; bà đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải nhưng sau khi hòa giải ông T vẫn không thay đổi mà ngày càng quá đáng nên vợ chồng bà không thể sống chung được nữa.

Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho bà được ly hôn với ông Qua Đình T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung là Qua Thị Hà X, sinh năm 1993 (đã trưởng thành) và Qua Thị Kim X1, sinh ngày 26/11/2003; hiện nay cháu X1 đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Qua Đình T:

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông Qua Đình T trình bày: Ông và bà Thường Thị Ngọc A tự nguyên sống chung với nhau năm 1993, đến năm 1997 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 02, quyển số: 03, ngày 27/6/1997. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường X mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng sống không có tôn trọng, thường X xúc phạm danh dự của nhau do ông thường xúc phạm tới gia đình bà A, thường X uống rượu, bài bạc và bán tài sản trong gia đình, ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng, việc học của các con; hôn nhân đã thật sự đổ vỡ, cố níu kéo cũng không có hạnh phúc nhưng ông xin Tòa thời gian một tháng để ông khắc phục các mâu thuẫn này để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Nhưng sau đó có mời ông T đến Tòa án làm việc thì ông T cố tình lẫn tránh không nhận bất cứ văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện ly hôn, tại phiên tòa hôm nay ông T tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Thường Thị Ngọc A đối với ông Qua Đình T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Qua Đình T, sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Thường Thị Ngọc A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Qua Đình T nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thường Thị Ngọc A, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Thường Thị Ngọc A và ông Qua Đình T được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 02, quyển số: 03, ngày 27/6/1997 nên là hôn nhân hợp pháp, bà A có đơn xin ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của bà A và lời trình bày của ông Qua Đình T tại Tòa cho thấy đời sống chung của bà A, ông T không có hạnh phúc, thường X mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng sống không có tôn trọng, thường X xúc phạm danh dự của nhau do ông T thường xúc phạm tới gia đình bà A, thường X uống rượu, bài bạc và bán tài sản trong gia đình, ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng, việc học của các con, điều đó chứng tỏ ông T đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà A nhiều lần làm đơn gửi đến Tòa án xin được ly hôn với ông T nhưng được Tòa án hòa giải, Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng đến nay ông T vẫn không chịu thay đổi. Ngoài ra mẫu thuẫn của vợ chồng đã được Công an xã P có biên bản làm việc vào các ngày 26, 27/02/2020.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: bà và ông T có 02 con chung là Qua Thị Hà X, sinh năm 1993 (đã trưởng thành) và Qua Thị Kim X1, sinh ngày 26/11/2003; hiện nay cháu X1 đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy cháu X1 ở với bà A từ trước đến nay, bà A đã nuôi dưỡng và giáo dục con đảm bảo các điều kiện phát triển, hơn nữa nguyện vọng của cháu X1 xin được tiếp tục sống cùng mẹ nên giao cháu X1 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành là phù hợp; bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết cho bà về tài sản và nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Thường Thị Ngọc A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: bà Thường Thị Ngọc A được ly hôn ông Qua Đình T.

- Về con chung: Giao cháu Qua Thị Kim X1, sinh ngày 26/11/2003 cho bà Thường Thị Ngọc A tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà A không được ngăn cản ông T trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Thường Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp tại biên lai thu số: 0029802, ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà Thường Thị Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Thường Thị Ngọc A là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/6/2020), ông Qua Đình T là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND (Tỉnh - Huyện);*
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Trang